TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: XÂY DỰNG**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN – LẦN 2**

**Học kỳ 3 , năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: DXD0330

Tên học phần: KINH TẾ XÂY DỰNG

Mã nhóm lớp học phần: 213\_DXD0330\_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 70 phút

Hình thức thi: **Tự luận – Được phép sử dụng tài liệu**

**Format nội dung đáp án đề thi:**

- Font: Times New Roman

- Size: 13

**Câu 1 (2 điểm):** Đầu tư là gì? Đặc điểm của đầu tư và Chức năng của đầu tư. Cho ví dụ minh họa

* *Định nghĩa:* Là hoạt động sử dụng các nguồn lực trong một khoảng thời gian nhất định nhằm thu về các lợi ích kinh tế hoặc xã hội (0.25 điểm)
* *Đặc điểm của đầu tư:* có nguồn lực(0.25 điểm); có thời gian đầu tư (0.25 điểm)và có tạo ra lợi ích về mặt kinh tế hoặc xã hội (0.25 điểm)
* *Chức năng của đầu tư :*
* Tài chính: sinh lợi (0.25 điểm)
* Đầu tư: quyết định đầu tư hay không (0.25 điểm)
* *Cho ví dụ:*
* Có ví dụ (0.25 điểm)
* Có phân tích them các đặc điểm đầu tư (0.25 điểm)

**Câu 2 (2 điểm):** Dự án đầu tư là gì? Cho ví dụ và phân tích xem dự án đó có phải là dự án đầu tư hay không

* *Dự án đầu tư:* Là tổng thể các giải pháp nhằm sử dụng các nguồn lực hiện có và hữu hạn để tạo ra lợi ích thiết thực về kinh tế và xã hội (0.25 điểm)
* Các giải pháp: kỹ thuật, công nghệ, tài chính và tổ chức quản lý (0.25 điểm)
* Nguồn lực hiện có và hữu hạn: tự có, huy động hay vay mượn (0.25 điểm)
* Lợi ích về kinh tế và xã hội(0.25 điểm)
* *Cho ví dụ*:
* Có ví dụ (0.25 điểm)
* Phân tích được giải pháp trong ví dụ là gì (0.25 điểm)
* Phân tích được các nguồn lực trong ví dụ là gì (0.25 điểm)
* Phân tích được lợi ích trong ví dụ là gì (0.25 điểm)

**Câu 3 (6 điểm):**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HẠNG MỤC PHỤ** | **ĐƠN VỊ** | **KHỐI LƯỢNG**  | **ĐƠN GIÁ (vnđ)** |  **THÀNH TIỀN (vnđ)**  |  |
| **PHẦN 1** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG** | Tỷ đồng |  |  |  **780**  |  |
| **PHẦN 2** | **THIẾT BỊ** | Tỷ đồng |  |  |  **120**  |  |
| **PHẦN 3** | **CHI PHÍ ĐẤT** | Tỷ đồng |  |  |  **300**  |  |
| **PHẦN 4** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN** | Tỷ đồng |  |  |  **165.0**  |  |
| **PHẦN 5** | **CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** |  |  |  **(0.25 điểm)**  |
| **PHẦN 6** | **CHI PHÍ KHÁC: Bổ sung thêm lãi vay ngân hàng**  |  |  |  |
|   | + Tổng chi phí xây dựng + thiết bị trước thuế  |   |   |   |  833.3  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm 2021: tổng số tiền vay  |   |   |   |  83.3  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm 2022: tổng số tiền vay  |   |   |   |  250.0  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm 2021: tổng số tiền vay  |   |   |   |  416.7  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Tiền lãi vay phải trả cho năm 2021 |   |   |   |  8.3  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Tiền lãi vay phải trả cho năm 2022 |   |   |   |  25.0  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Tiền lãi vay phải trả cho năm 2023 |   |   |   |  41.7  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Tổng lãi vay  |   |   |   |  75.0  |  **(0.25 điểm)**  |
| **PHẦN 7** | **DỰ PHÒNG PHÍ**  |  |  |  |  **275.6**  |  **(0.25 điểm)**  |
| 1 | Do khối lượng công việc chưa lường trước được: **G1DP**  | Tỷ đồng |   |   |  136.5  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Tổng chi phí từ (1) - (6) |   |   |  1,365  |   |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Hệ số dự phòng kps |   | 0.1 |   |   |  **(0.25 điểm)**  |
| 2 | Do trượt giá **G2DP** |   |   |   |  139.1  |  **(0.25 điểm)**  |
| 2.1 | - Vốn đầu tư qua các năm  | Tỷ đồng |   |   |  1,365  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm thứ 2021 | Tỷ đồng |   |   |  455  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm thứ 2022 | Tỷ đồng |   |   |  455  |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm thứ 2023 | Tỷ đồng |   |   |  455  |  **(0.25 điểm)**  |
| 2.2 | - Lãi vay qua các năm  |   |   |   |   |  |
|   | + Năm thứ 2021 | Tỷ đồng |   |   |  8.3  |  |
|   | + Năm thứ 2022 | Tỷ đồng |   |   |  25.0  |  |
|   | + Năm thứ 2023 | Tỷ đồng |   |   |  41.7  |  |
| 2.3 | - Chỉ số giá xây dựng  |   |   |   |   |  |
|   | + Năm 2016:  | % | 96.94 |   |   |  |
|   | + Năm 2017:  | % | 98.98 |   |   |  |
|   | + Năm 2018:  | % | 101.53 |   |   |  |
|   | + Năm 2019:  | % | 100.97 |   |   |  |
|   | + Năm 2020: (Năm tính toán) |   |   |   |   |  |
| 2.4 | - Mức độ trượt giá bình quân **Ixdbq** |   |   |   |   |  |
|   | + Năm 2019/2018:  |   | 0.99 |   |   |  |
|   | + Năm 2018/2017:  |   | 1.03 |   |   |  |
|   | + Năm 2017/2016:  |   | 1.02 |   |   |  |
|   | + **Ixdbq** |   | **1.014** |   |   |  **(0.25 điểm)**  |
| 2.5 | - Mức độ biến động về giá D**Ixdbq** |   |   |   |   |  |
|   | + D**Ixdbq** |   | 0.039 |   |   |  **(0.25 điểm)**  |
| 2.6 | Trượt giá từng năm  |   |   |   |   |  |
|   | + Năm thứ 2021 |   |   |   | 23.57 |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm thứ 2022 |   |   |   | 46.57 |  **(0.25 điểm)**  |
|   | + Năm thứ 2023 |   |   |   | 68.94 |  **(0.25 điểm)**  |
| **3** | **Tổng mức đầu tư**  | **Tỷ đồng** |  |  |  **1,640.6**  |  **(0.25 điểm)**  |

*Ngày biên soạn: 12/07/2022*

**Giảng viên biên soạn đáp án đề thi: ThS. Nguyễn Phi Khanh**

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:khaothivanlang@gmail.combao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).